

ĐẶC ĐIỂM NHÂN KHẨU HỌC CỦA NGƯỜI DÂN TẬP LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO THƯỜNG XUYÊN TẠI KHU VỰC MIỀN NÚI MIỀN NAM

Đỗ Hữu Trường*
Mai Thị Bích Ngọc**
Nghiêm Việt Hùng***

Tóm tắt:

Tiến hành khảo sát thực trạng đặc điểm nhân khẩu học của người dân tập luyện thể dục thể thao (TDTT) thường xuyên tại khu vực miền núi miền Nam (đại diện là Tây Ninh và Bình Phước) trên các mặt: Đặc điểm thông tin cá nhân, đặc điểm thói quen tập luyện TDTT... làm cơ sở đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình phát triển TDTT quần chúng ở khu vực miền núi miền Nam Việt Nam.

Từ khóa: TDTT quần chúng, tập luyện TDTT thường xuyên, khu vực miền núi miền Nam, Tây Ninh, Bình Phước.

Demographic characteristics of people who exercise regularly in the Southern mountainous region

Summary:

The topic has done a survey about the current situation of demographic characteristics of people who regularly practice physical exercises and sports in the Southern mountainous area (represented by Tay Ninh and Binh Phuoc) on the following aspects: Individual information characteristics, practice habit characteristics. It was served as the basis for proposing solutions and developing a model to spread – widen public sports movement in the mountainous region of South Vietnam.

Keywords: Public sport, regular exercise, Southern mountainous area, Tay Ninh, Binh Phuoc.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Miền Nam Việt Nam, còn được gọi là Nam Bộ, bao gồm các tỉnh ở phía nam Tây Nguyên và phía tây tỉnh Ninh Thuận. Khu vực miền Nam gồm 19 tỉnh, thành phố bao gồm 17 tỉnh từ Bình Phước trở xuống phía Nam, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ. Khu vực miền Nam có nền kinh tế phát triển so với cả nước nhưng lại có sự chênh lệch lớn giữa các vùng. Khu vực miền núi miền Nam tập trung nhiều ở khu vực tiếp giáp với Tây Nguyên, miền Tây tỉnh Kiên Giang và tiếp giáp Campuchia. Đây là vùng còn nhiều khó khăn về phát triển kinh tế so với các vùng khác trong cả nước, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đặc điểm dân tộc và văn hóa cũng như đặc điểm địa lý và khí hậu khác hẳn so với vùng đồng bằng nên việc phát triển TDTT quần chúng ở miền Nam nói chung và khu vực miền núi thuộc miền

Nam nói riêng cũng như đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên cũng sẽ có nhiều điểm khác so với các vùng đồng bằng, miền biển... Chính vì vậy, để có căn cứ đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình phát triển TDTT quần chúng khu vực miền núi tại Việt Nam, chúng tôi tiến hành khảo sát: Đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại khu vực miền núi miền Nam.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sự phạm, phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp toán học thống kê.

Khảo sát được tiến hành tại khu vực miền núi thuộc 2 tỉnh: Tây Ninh và Bình Phước.

Số lượng mẫu khảo sát: Khảo sát 579 người dân khu vực miền núi miền Nam, trong đó có

*PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

***ThS, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Hà Nội

219 người thuộc khu vực miền núi tỉnh Tây Ninh, và 360 người thuộc khu vực miền núi tỉnh Bình Phước.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Đặc điểm nhân khẩu đối tượng khảo sát
Tiến hành khảo sát 579 người dân thuộc khu

vực miền núi tỉnh Tây Ninh và Bình Phước về thói quen tập luyện TDDT, trong đó có 219 người thuộc khu vực miền núi tỉnh Tây Ninh, và 360 người thuộc khu vực miền núi tỉnh Bình Phước. Đặc điểm đối tượng khảo sát được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng khảo sát (n=579)

Đặc điểm	Phân loại	Tây Ninh (n=219)		Bình Phước (n=360)		Tổng (n=579)		Thứ tự
		m _i	Tỷ lệ %	m _i	Tỷ lệ %	m _i	Tỷ lệ %	
Giới tính	Nam	116	52.97	196	54.44	312	53.89	1
	Nữ	103	47.03	164	45.56	267	46.11	2
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	57	26.03	89	24.79	146	25.22	2
	Có gia đình	162	73.97	270	75.21	432	74.61	1
Lứa tuổi	6-24 tuổi	62	28.31	85	23.61	147	25.39	1
	25-34 tuổi	41	18.72	71	19.72	112	19.34	4
	35-54 tuổi	47	21.46	82	22.78	129	22.28	2
	55-64 tuổi	41	18.72	74	20.56	115	19.86	3
	Từ 65 tuổi trở lên	28	12.79	48	13.33	76	13.13	5
Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	43	19.63	68	18.94	111	19.17	2
	Nông nghiệp	55	25.11	96	26.74	151	26.08	1
	Công nhân viên chức nhà nước	35	15.98	53	14.76	88	15.20	3
	Kinh doanh	32	14.61	52	14.48	84	14.51	4
	Lao động tự do	31	14.16	49	13.65	80	13.82	5
	Hưu trí, mất sức lao động	23	10.50	41	11.42	64	11.05	6
Thu nhập bình quân/ tháng	Phụ thuộc (không có thu nhập)	38	17.35	43	11.94	81	13.99	3
	Dưới 1 triệu đồng/tháng	13	5.94	16	4.44	29	5.01	6
	Từ 1-2 triệu đồng/tháng	12	5.48	46	12.78	58	10.02	5
	Từ 2-3 triệu đồng/tháng	36	16.44	62	17.22	98	16.93	2
	Từ 3-5 triệu đồng/tháng	75	34.25	151	41.94	226	39.03	1
	Từ 5-10 triệu đồng/tháng	37	16.89	32	8.89	69	11.92	4
	Trên 10 triệu đồng/tháng	8	3.65	9	2.50	17	2.94	7

Qua bảng 1 cho thấy: Đặc điểm đối tượng khảo sát là tương đối đồng đều và đảm bảo tính chất mẫu. Cụ thể:

Về giới tính: Đối khảo sát phân bố tương đối cân đối về giới tính (gần 46.11% là nữ)

Về tình trạng hôn nhân: 25.22% số người độc thân (bao gồm chưa lập gia đình, ly hôn, góa...). Con số này tương đương với đặc điểm lứa tuổi với tổng số 25.39% số người 6-24 tuổi và 13.13% số người trên tuổi 65.

Về lứa tuổi khảo sát: Độ tuổi của đối tượng khảo sát tương đối đồng đều, trừ lứa tuổi trên 65 với 13.13% (những người cao tuổi), các nhóm tuổi còn lại đảm bảo cân đối và dao động từ 19.34-25.39%. Đồng nhất là lứa tuổi từ 6-24 với 25.39% tổng số người khảo sát (có khoảng dao động tuổi lớn nhất và đối tượng có cùng tính chất – học sinh, sinh viên).

Về đặc điểm nghề nghiệp: Tương tự như độ tuổi, đặc điểm nghề nghiệp của đối tượng khảo sát phản ánh tương đối sát thực trạng phân bố nghề nghiệp ở khu vực khảo sát với nghề nông nghiệp chiếm đa số (26.08% tổng đối tượng khảo sát); tiếp đó là học sinh, sinh viên (chiếm 19.17% tổng số đối tượng khảo sát). Các nhóm khác chiếm tỷ lệ tương đối cân đối.

Về đặc điểm thu nhập bình quân/ tháng: Nhóm chiếm đa số là thu nhập từ 3-5 triệu đồng/ tháng (chiếm 39.03% tổng số lượng khảo sát), đứng thứ hai là thu nhập 2-3 triệu đồng/tháng (chiếm 16.93% tổng số lượng khảo sát), tỷ lệ người có thu nhập bình quân 5-10 triệu đồng/ tháng chiếm 11.29% và trên 10 triệu đồng/ tháng chiếm 2.94%. Như vậy, so với thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2018 là 2.587USD/năm, tương đương 4.834 triệu đồng/tháng [2] thì thu nhập của người dân khu vực miền núi miền Nam thuộc nhóm đối tượng khảo sát thuộc mức thấp.

2. Đặc điểm nhân khẩu người dân tập luyện thể dục thể thao thường xuyên khu vực miền núi miền Nam

Đánh giá mức độ tập luyện TDTT theo tiêu chí:

Tập luyện TDTT thường xuyên: Tập từ 3 buổi/ tuần trở lên, mỗi buổi từ 30 phút, thời gian liên tục trong 6 tháng

Thỉnh thoảng (Tập luyện TDTT không thường xuyên): Mỗi tuần trung bình tập ít nhất 1 buổi, mỗi buổi ít nhất 20 phút

Không tập: Tập luyện ít hơn mức thỉnh thoảng

Kết quả khảo sát tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Kết quả khảo sát tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên của người dân miền núi khu vực miền Nam (n=579)

Mức độ tập luyện	Tây Ninh (n=219)		Bình Phước (n=360)		Tổng (n=579)	
	m _i	Tỷ lệ %	m _i	Tỷ lệ %	m _i	Tỷ lệ %
Tập luyện thường xuyên	54	24.66	81	22.50	135	23.32
Thỉnh thoảng	77	35.16	140	38.89	217	37.48
Không tập	88	40.18	139	38.61	227	39.21

Qua bảng 2 cho thấy: Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi miền Nam đạt được trung bình là 23.32%, trong đó, tỉnh Tây Ninh là 24.66% và tỉnh Bình Phước là 22.50%. Tuy nhiên, nếu so sánh chung với tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên năm 2018 tại Việt Nam theo báo cáo của Vụ Thể thao

quần chúng, Tổng cục TDTT là 32.53% (tăng 1.15% so với năm 2017) [1] thì tỷ lệ này còn quá khiêm tốn.

Khảo sát chi tiết về đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại khu vực miền núi miền Nam được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Đặc điểm người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi miền Nam (n=135)

Đặc điểm	Phân loại	Tây Ninh (n=54)		Bình Phước (n=81)		Tổng (n=135)		Thứ tự
		m _i	Tỷ lệ %	m _i	Tỷ lệ %	m _i	Tỷ lệ %	
Giới tính	Nam	36	66.67	52	64.20	88	65.19	1
	Nữ	18	33.33	29	35.80	47	34.81	2
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	15	27.78	24	29.63	39	28.89	2
	Có gia đình	39	72.22	57	70.37	96	71.11	1
Lứa tuổi	6-24 tuổi	12	22.22	19	23.46	31	22.96	2
	25-34 tuổi	13	24.07	18	22.22	31	22.96	2
	35-54 tuổi	8	14.81	11	13.58	19	14.07	4
	55-64 tuổi	16	29.63	24	29.63	40	29.63	1
	Từ 65 tuổi trở lên	5	9.26	9	11.11	14	10.37	5
Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	9	16.67	13	16.05	22	16.30	3
	Nông nghiệp	6	11.11	10	12.35	16	11.85	5
	Công nhân viên chức nhà nước	12	22.22	14	17.28	26	19.26	2
	Kinh doanh	7	12.96	12	14.81	19	14.07	4
	Lao động tự do	6	11.11	10	12.35	16	11.85	5
	Hưu trí, mất sức lao động	14	25.93	22	27.16	36	26.67	1
Thu nhập bình quân/tháng	Phụ thuộc (không có thu nhập)	6	11.11	8	9.88	14	10.37	4
	Dưới 1 triệu đồng/tháng	1	1.85	3	3.70	4	2.96	6
	Từ 1-2 triệu đồng/tháng	3	5.56	4	4.94	7	5.19	5
	Từ 2-3 triệu đồng/tháng	11	20.37	16	19.75	27	20.00	3
	Từ 3-5 triệu đồng/tháng	12	22.22	20	24.69	32	23.70	2
	Từ 5-10 triệu đồng/tháng	20	37.04	29	35.80	49	36.30	1
	Trên 10 triệu đồng/tháng	1	1.85	1	1.23	2	1.48	7

Qua bảng 3 cho thấy:

Về giới tính: Nếu như đối tượng khảo sát tương đối đồng đều về giới tính thì thực trạng phân bố giới tính của người dân tập luyện TDTT thường xuyên tại khu vực miền núi miền Nam lại có tỷ lệ nam tới 65.19%. Như vậy, có thể khẳng định, ở khu vực này, nam giới tập luyện

TDTT thường xuyên hơn và nhiều hơn so với nữ giới.

Về tình trạng hôn nhân: Nếu như đặc điểm khảo sát có 74.61% đối tượng có gia đình thì đối tượng tập luyện TDTT thường xuyên có 71.11% tổng tỷ lệ có gia đình. Như vậy, ở khu vực miền núi miền Nam, tỷ lệ người có gia đình và độc



Nghiên cứu đặc điểm của người dân tập luyện TDTT thường xuyên là biện pháp cần thiết để tác động có hiệu quả các giải pháp phát triển phong trào tập luyện TDTT quần chúng

thân tập luyện TDTT gần tương đương nhau.

Về lứa tuổi: Tỷ lệ người dân tập TDTT thường xuyên ở khu vực này cao nhất là lứa tuổi 55-64 tuổi, sau đó tới 6-24 tuổi và 25-34 tuổi. Ít nhất là tỷ lệ người trên 65 tuổi (chiếm 10.37% số người tập thường xuyên), tỷ lệ này tương đương nếu so sánh với đặc điểm đối tượng khảo sát với 13.13% số người trên 65 tuổi.

Về nghề nghiệp: Đối tượng tập luyện TDTT nhiều nhất là người hưu trí, mất sức lao động, sau đó tới công nhân viên chức nhà nước, tiếp đến là người kinh doanh. Đây là nhóm có tỷ lệ ít trong số đối tượng khảo sát. Nếu như tỷ lệ khảo sát đồng nhất là nông nghiệp với 26.08% tổng đối tượng khảo sát thì tỷ lệ tập luyện TDTT thường xuyên thuộc ngành nghề nông nghiệp chỉ chiếm 11.85%. Như vậy có thể thấy nhóm đối tượng nghề nông nghiệp này có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên thấp nhất.

Về thu nhập bình quân/ tháng: Xu hướng chung là những người có thu nhập cao hơn tập luyện TDTT thường xuyên hơn. Có tới 39.03% số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên có thu nhập từ 5-10 triệu đồng/ tháng (phần lớn rơi vào đối tượng công nhân viên chức nhà nước, kinh doanh...). Những người có thu nhập bình quân dưới 2 triệu đồng có tỷ lệ tham gia tập luyện TDTT thường xuyên thấp.

KẾT LUẬN

1. Đặc điểm đối tượng khảo sát người dân tập luyện TDTT thường xuyên là tương đối đồng đều giữa các nhóm đối tượng và đảm bảo tính chất mẫu.

2. Tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên khu vực miền núi miền Nam thấp hơn nhiều so với tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên của Việt Nam theo thống kê của Vụ Thể thao quần chúng, Tổng cục TDTT.

3. Người dân tập luyện TDTT thường xuyên ở khu vực miền núi miền Nam có tỷ lệ nam nhiều hơn nữ; nhiều nhất là lứa tuổi 55-64 tuổi, sau đó tới 6-24 tuổi và 25-34 tuổi; Đối tượng tập luyện TDTT nhiều nhất là người hưu trí, mất sức, sau đó tới công nhân viên chức nhà nước, tiếp đến là người kinh doanh; Xu hướng chung là những người có thu nhập cao hơn tập luyện TDTT thường xuyên hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <http://www.tdtt.gov.vn/tabid/57/ArticleID/24574/Default.aspx?returnUrl=>

<http://www.tdtt.gov.vn/tabid/36/Default.aspx>

2. <http://vneconomy.vn/thu-nhap-binh-quan-dau-nguoi-nam-2018-dat-2587-usd-2018122715235412.htm>.